

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23-7-2021

V/v: Tranh chấp ly hôn giữa chị H và anh
Thành.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuyến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Đức Phú và ông Đỗ Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hạp Thị Thu Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 23/7/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2021/TLST-HNGĐ ngày 25/02/2021 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/ QĐXX-ST ngày 24/6/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hạ Thị Thu H, sinh năm 1989, có mặt;

HKTT: Số 36 đường P, phường S, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị H:* Ông Vũ Văn X, Luật sư
- Chi nhánh Công ty Luật TNHH Hà Đăng tại Bắc Ninh, có mặt;

Địa chỉ: Số 50 đường H, phường K, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Đức T, sinh năm 1984, vắng mặt;

HKTT: Số 36 đường P, phường S, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh;

Hiện đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Bắc Ninh (trong một vụ án hình sự khác).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*. Trong đơn khởi kiện ngày 22/02/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Hạ Thị Thu H và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị H là ông Vũ Văn X, Luật sư trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị và anh Đỗ Đức T kết hôn ngày 15/10/2008, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường V. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau ngay. Quá trình chung sống, thời gian đầu hòa thuận và hạnh phúc. Tuy nhiên, từ tháng 7/2018 vợ chồng thường X mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp. Từ tháng 4/2020, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và sống ly thân. Đến tháng 7/2020, anh T vi phạm pháp luật và bị xử phạt 12 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, hiện đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Bắc Ninh (đang chờ xét xử phúc thẩm). Nay, chị cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ và sống không có hạnh phúc, nên chị vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh T.

- *Về nuôi con chung*: Vợ chồng có 03 con chung là các cháu Đỗ Quốc A, sinh ngày 08/8/2009, Đỗ Ngọc Khánh C, sinh ngày 26/12/2014 và cháu Đỗ Ngọc Khánh V, sinh ngày 18/01/2017. Hiện các cháu khỏe mạnh và đang ở với chị.

Ly hôn, chị xin được nuôi dưỡng cả 03 con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị đảm bảo các điều kiện về mặt tinh thần cũng như vật chất để nuôi con chung. Hiện tại chị đang làm giáo viên Trường Mầm non Hoa sữa, thu nhập 4.500.000 đồng (để làm căn cứ chị đã nộp cho Tòa án Bảng thanh toán tiền lương của Trường). Còn anh Thành hiện đang vi phạm pháp luật và bị giam giữ, nên không có điều kiện để nuôi con chung.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về chia tài sản*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

*. Trong các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Đỗ Đức T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh thừa nhận trình bày của nguyên đơn về điều kiện và thời gian kết hôn, tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn cũng như điều kiện về bản thân. Anh cũng thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn, nhưng vì con chung nên anh không nhất trí ly hôn, mà đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng

đoàn tụ. Tuy nhiên, anh xác định chỉ có lời trình bày, chứ không đưa ra được pH án nào để vợ chồng đoàn tụ.

- *Về nuôi con chung*: Anh thừa nhận trình bày của nguyên đơn về con chung và điều kiện con chung, quyền và nghĩa vụ thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Anh xác định nếu ly hôn, hai bên đã thỏa thuận được và yêu cầu Tòa án công nhận sự thỏa thuận: Giao cả 03 con chung cho chị H nuôi dưỡng. Anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- *Về chia tài sản*: Anh xác định nếu ly hôn, anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

*. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân thủ đầy đủ và đúng theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự (trừ bị đơn).

- Việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị:

+. *Về hôn nhân*: Cho chị H được ly hôn anh T.

+. *Về nuôi con chung*: Giao cả 03 con chung là các cháu A, Chi và cháu V cho chị H nuôi dưỡng. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+. *Về chia tài sản*: Không đề cập giải quyết.

+. *Về án phí*: Buộc chị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1. *Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên tòa, bị đơn là anh Đỗ Đức T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất vắng mặt nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.]

[2. *Về hôn nhân*: Nhận thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Hạ Thị Thu H và anh Đỗ Đức T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và không vi phạm các điều kiện kết hôn, nên hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hoà giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thành, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn; còn anh Thành tuy không nhất trí ly hôn và cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn nhưng anh thừa nhận không đưa ra được phương án hòa giải cụ thể nào để thuyết phục chị H về đoàn tụ, hơn nữa anh T hiện đang chờ xét xử phúc thẩm và bị giam giữ, nên không có điều kiện để đảm bảo hạnh phúc vợ chồng, do đó đề nghị của anh không có cơ sở.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa hai bên đã ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.]

[2. *Về nuôi con chung*: Xét thấy, sau khi ly hôn vợ chồng phải có nghĩa vụ nuôi dưỡng con chưa thành niên và nay hai bên không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con; căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt cũng như nguyện vọng của con và điều kiện nuôi con của hai bên, nên cần giao cả 03 con chung cho chị H nuôi dưỡng; anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở là phù hợp với Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập xem xét. Tuy nhiên, sau này các bên vẫn được quyền yêu cầu bằng vụ việc dân sự khác theo quy định của pháp luật.]

[3. *Về chia tài sản*: Do các bên không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập xem xét. Tuy nhiên, sau này các bên vẫn được quyền yêu cầu bằng vụ việc dân sự khác theo quy định của pháp luật.]

[4. *Về án phí*: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.]

[5. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.]

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Hạ Thị Thu H và anh Đỗ Đức T.

2. *Về nuôi con chung*: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

2.1. Giao cả 03 con chung là các cháu Đỗ Quốc A, sinh ngày 08/8/2009, Đỗ Ngọc Khánh C, sinh ngày 26/12/2014 và cháu Đỗ Ngọc Khánh V, sinh ngày 18/01/2017 cho chị Hạ Thị Thu H nuôi dưỡng. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. *Cấp dưỡng nuôi con chung*: Không đề cập giải quyết.

3. *Về chia tài sản*: Không đề cập giải quyết.

*. *Về án phí*: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc chị Hạ Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0000859 ngày 25/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh; chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

*. *Về quyền kháng cáo*: Báo cho đương sự có mặt biết quyền được kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt được quyền được kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND P. S và phường V, TP. Bắc Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Tuyên

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Tuyên